

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12/4/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Tân Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hải Lý và bà Nguyễn Thị Nhân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Văn Th, sinh năm 1967; (vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1965 (tức Lê Thị B, sinh năm 1963); (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn anh Dương Văn Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị B kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 1999 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng vào ngày 27/11/1999. Sau khi cưới anh, chị chung sống nhau ngay và sống hòa thuận hạnh phúc đến nay có 01 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng cuối năm 2019, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên hay bất đồng về quan điểm sống cũng như trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bản thân vợ chồng anh cũng như gia đình hai bên không hòa giải, dàn xếp gì. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng kể từ đó đến nay.

Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị B.

Về con chung: Vợ chồng sinh được một con chung là Dương Trung T, sinh năm 2001. Hiện con đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản gì chung, không có vướng mắc, do vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Th không có yêu cầu đề nghị nào khác.

*\* Tại các lời khai bị đơn chị Lê Thị B, sinh năm 1965 (tức Lê Thị B, sinh năm 1963) trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn Th kết hôn vào năm 1999, trước kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y vào ngày 27/11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc và ở riêng nhờ nhà anh trai ruột của anh Th, đến nay có một con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn xảy ra từ giữa năm 2020 nguyên nhân là do anh Th có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác về nhà hay đánh đập, chửi bới chị. Do vậy anh, chị sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nhưng do thương con nên chị không nhất trí ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Dương Trung T, sinh năm 2001. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ và ruộng đất: Vợ chồng chị không có gì vướng mắc do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Văn Th được ly hôn chị Lê Thị B.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản, vay nợ và ruộng đất: Các bên không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Anh Dương Văn Th, chị Lê Thị B đến Tòa án viết bản tự khai tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ đối với anh Th và chị B. Anh Th, chị B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn Th và chị Lê Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng vào ngày 27/11/1999 đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị B là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn từ khoảng đầu năm 2019 đến nay, theo anh Th thì vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong làm ăn kinh tế dẫn đến không còn tin tưởng ở nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; Theo chị B thì nguyên nhân chính là do chị phát hiện anh Th có mối quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác nên đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, chị cùng gia đình đã hàn gắn, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng chấm dứt quan hệ từ giữa năm 2020 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh Th và chị B xuất phát từ việc vợ chồng nghi ngờ và mất lòng tin với nhau, dẫn tới tình cảm phai nhạt; vì không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra xung đột khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đến giữa năm 2020 thì vợ chồng chính thức sống ly thân. Từ đó đến nay hai bên cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau; phía chị B mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng sau khi ly thân và trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án chị B không có biện pháp nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hơn nữa chị cũng xác nhận chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Th.

Từ những phân tích trên thấy: Mâu thuẫn vợ chồng anh Th và chị B đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị cũng không thể có hạnh phúc. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Th là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Con chung: Anh Th và chị B xác nhận vợ chồng có 01 con là Dương Trung T, sinh năm 2001. Hiện nay cháu Thương đã trưởng thành nên anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Tài sản chung, vay nợ và ruộng đất: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th, chị B đều đề nghị để các bên tự giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử xét không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Anh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Văn Th được ly hôn chị Lê Thị B.

- Con chung: Không giải quyết.

- Tài sản, vay nợ và ruộng đất: Không giải quyết.

- Án phí: Anh Dương Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận anh Dương Văn Th đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009336 ngày 25/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng).

- Quyền kháng cáo: Các Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đặt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Y, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Tân Thịnh**

